

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 15-01-2025.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tới;

2. Ông Trần Hoài Duy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Hoàng Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Lê Trúc Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 584/2024/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Hồng T, sinh năm 1995. Cư trú tại: Khu phố H, phường T, thị xã C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Lê Thanh T1, sinh năm 1985. Cư trú tại: Đường X, Khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tân, huyện Hoà Thành (nay là phường Hiệp Tân, thị xã Hoà Thành), tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu khi chưa có con thì anh chị chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không dung hòa được, từ lúc đăng ký kết hôn anh chị không sống chung nhà, chị T sống ở nhà mẹ ruột, anh T1 sống một mình ở nhà trọ. Chị T sinh con và chăm con một mình, anh T1 chỉ phụ tiền nuôi con. Nay chị T nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên xin ly hôn anh T1.

- Về con chung: Anh T1 và chị T có 02 con chung tên Lê Quốc D, sinh năm 2019 và Lê Ngọc Minh U, sinh năm 2021. Chị T đồng ý giao con tên Lê Quốc D cho anh T1 nuôi dưỡng, chị T xin nuôi con tên Lê Ngọc Minh U, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Thanh T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn và mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn. Trong thời gian vợ chồng anh ở riêng thì anh T1 có nói với vợ đưa con về ở chung nhà trọ với anh T1 nhưng suy nghĩ lại thì do điều kiện công việc anh T1 phải đi ra ngoài nhiều, anh T1 sợ vợ con buồn nên mới để vợ con sống bên nhà ba mẹ vợ. Do nhà ba mẹ vợ nhỏ nên anh T1 mới ở riêng. Anh T1 có nói với chị T dọn về nhà ruột của anh T1 ở Tân Châu ở nhưng chị T không đồng ý. Anh T1 nhận thấy mâu thuẫn không trầm trọng đến mức phải ly hôn, do đó anh T1 không đồng ý ly hôn chị T, anh T1 sẽ đón chị T và hai con về cha mẹ ruột anh T1 ở Tân Châu sinh sống, nếu chị T không đồng ý thì anh T1 sẽ về nhà mẹ ruột chị T ở Hoà Thành sinh sống. Trong khoảng thời gian từ ngày Toà án mời làm việc 22/11/2024 đến nay anh T1 có liên hệ với chị T để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không đồng ý. Tại phiên toà, chị T xác định không còn yêu thương anh T1, anh T1 nhận thấy vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên đồng ý ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh T1 và chị T có 02 con chung tên Lê Quốc D, sinh năm 2019 và Lê Ngọc Minh U, sinh năm 2021. Anh T1 đồng ý giao con tên Lê Ngọc Minh U cho chị T nuôi dưỡng, anh T1 xin nuôi con tên Lê Quốc D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Chị T được ly hôn anh T1.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Quốc D, sinh năm 2019 cho anh Lê Thanh T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung tên Lê Ngọc Minh U, sinh năm 2021 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục. Ghi nhận, anh T1 và chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T1, chị T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Hồng T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Lê Thanh T1 có địa chỉ cư trú tại: Đường X, Khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 và chị T chung sống vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tân, huyện Hoà Thành (nay là phường Hiệp Tân, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian đầu khi chưa đăng ký kết hôn thì anh chị chung sống hạnh phúc, từ khi đăng ký kết hôn đến nay anh chị không sống chung nhà, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T1 không quan tâm chăm sóc vợ con. Xét thấy, khoảng thời gian từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay là khá dài nhưng anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa Anh Chị đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1 là phù hợp. Tại phiên toà, anh T1 đồng ý ly hôn với chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Quốc D, sinh năm 2019 cho anh T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung tên Lê Ngọc Minh U, sinh năm 2021 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận, anh T1 và chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T1, chị T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1, chị T trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T chịu 300.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng T đối với anh Lê Thanh T1. Chị T được ly hôn anh T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Quốc D, sinh năm 2019 cho anh Lê Thanh T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung tên Lê Ngọc Minh U, sinh năm 2021 cho chị Nguyễn Hồng T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận, anh T1 và chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 và chị T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Hồng T và anh Lê Thanh T1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng T chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003638 ngày 11-11-2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. TPTN;
- CC.THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Ánh Tuyết

